

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÔN GIÁO - KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ LỘ TRÌNH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

NGUYỄN ĐỨC TOÀN (*)

Tóm tắt: Trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo ngày càng trở thành một nhiệm vụ cấp thiết, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo thuận lợi cho hoạt động của các tôn giáo. Để xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu vừa phục vụ hiệu quả công tác quản lý, vừa đảm bảo tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mỗi người dân thì việc tham khảo kinh nghiệm từ các quốc gia thành công trong lĩnh vực này sẽ góp phần đưa ra một lộ trình phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam.

Từ khóa: Cơ sở dữ liệu; chuyển đổi số quốc gia; kinh nghiệm quốc tế; tín ngưỡng, tôn giáo.

Abstract: In the context of accelerating national digital transformation, developing a religious database has become an increasingly urgent task to enhance the effectiveness and efficiency of state management and facilitate religious activities. To establish a database system that both serves management purposes effectively and respects the freedom of belief and religion of each citizen, referencing successful international experiences can contribute to devising a roadmap suitable for Vietnam's practical context.

Keywords: database; national digital transformation; international experience; belief and religion.

Ngày nhận bài: 30/7/2025 Ngày biên tập: 13/8/2025 Ngày duyệt đăng: 19/8/2025

1. Một số mô hình trên thế giới về việc quản lý dữ liệu về tôn giáo

Các nghiên cứu trên thế giới cho thấy đến nay không tồn tại một mô hình duy nhất cho việc quản lý dữ liệu về tôn giáo. Tùy thuộc vào thể chế chính trị và nguyên tắc pháp lý, các quốc gia lựa chọn những cách tiếp cận khác nhau trong việc xây dựng mô hình quản lý dữ liệu về tôn giáo và có thể khái quát như sau:

Mô hình điều tra dân số. Sử dụng số liệu điều tra dân số quốc gia để thu thập và quản lý dữ liệu về tôn giáo là một phương pháp phổ biến được áp dụng tại nhiều quốc gia, tiêu biểu là Anh, Australia và Ấn Độ. Mô hình này cho phép chính phủ các nước có được bức tranh tổng quan tình hình tôn giáo, từ đó phục vụ cho việc hoạch định chính sách, phân bổ

nguồn lực. Mặc dù có những điểm tương đồng nhưng cách tiếp cận và những tác động kinh tế - xã hội của mô hình này tại mỗi quốc gia lại mang những nét đặc thù riêng. Về cơ bản, mô hình này tích hợp một hoặc nhiều câu hỏi liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo vào phiếu điều tra dân số định kỳ (thường là 10 năm một lần). Dữ liệu thu thập được sau đó sẽ được xử lý, phân tích và công bố dưới dạng các số liệu thống kê tổng hợp.

Mô hình đăng ký chính thức (official registration), là một phương pháp quản lý dữ liệu tôn giáo quan trọng khác, được áp dụng tiêu biểu tại các quốc gia như Đức, Áo và Indonesia. Trong mô hình này, nhà nước xác lập địa vị pháp lý cho các tổ chức tôn giáo đáp ứng đủ điều kiện. Việc này tạo ra một hệ thống dữ liệu chính thức về thành viên của các tôn giáo được công nhận, kéo theo nhiều quyền lợi và nghĩa vụ đặc thù. Mặc dù cùng

(*) **ThS; Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Ban Tôn giáo Chính phủ**

áp dụng mô hình đăng ký, cách thực thi và tác động tại Đức, Áo và Indonesia lại có sự khác biệt rõ rệt.

Mô hình “phi thu thập” (*non-collection*) hoặc “phi công nhận” (*non-recognition*). Xuất phát từ nguyên tắc tách biệt nhà nước và tôn giáo, đặc trưng của các nhà nước thế tục như Pháp và Hoa Kỳ là nhà nước không thu thập dữ liệu về tôn giáo của công dân thông qua điều tra dân số chính thức. Mặc dù cả Pháp và Hoa Kỳ đều đề cao nguyên tắc thế tục (*secularism*) nhưng lại diễn giải và áp dụng nguyên tắc này theo những cách rất khác nhau.

2. Mô hình phù hợp cho cơ sở dữ liệu về tôn giáo ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, đa tín ngưỡng; Nhà nước Việt Nam thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh vai trò quản lý nhà nước để đảm bảo các hoạt động tôn giáo tuân thủ pháp luật và giữ gìn an ninh quốc gia, đoàn kết dân tộc. Dựa trên đặc điểm, tình hình tôn giáo và nền tảng pháp luật của Việt Nam; kết hợp với các nội dung phân tích về các mô hình cơ sở dữ liệu về tôn giáo của một số nước trên thế giới cho thấy, không có một mô hình tối ưu nào có thể được lựa chọn trong xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo ở Việt Nam.

Việt Nam không nên lựa chọn mô hình “phi thu thập” như ở Pháp và Hoa Kỳ, bởi nước ta là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo với nhiều đặc thù phức tạp. Theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam hiện hành, công tác tôn giáo được xem là một nhiệm vụ quan trọng, trong đó Nhà nước thực hiện vai trò quản lý và hướng dẫn các hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo quyền tự do tôn giáo của mọi người dân. Dữ liệu chính xác về các tổ chức, chức sắc, tín đồ và các hoạt động tôn giáo là một công cụ quan trọng giúp nhà nước nhận diện, phòng ngừa và ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hoặc hoạt động trái với quy định của pháp luật. Chính phủ cần dữ liệu chính xác để xây dựng và thực thi các chính sách về dân tộc, tôn giáo, phát triển kinh tế -

xã hội, phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Do vậy, việc áp dụng mô hình “phi thu thập” không phù hợp với chính vai trò này, vì muốn quản lý và hướng dẫn thì trước hết phải có thông tin và dữ liệu; “phi thu thập” sẽ dẫn đến “phi quản lý” và tạo ra một khoảng trống thông tin, làm suy yếu khả năng nhận diện, phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để gây mất an ninh, trật tự hoặc các hoạt động tôn giáo trái pháp luật.

Nếu như ở Hoa Kỳ, mô hình “phi thu thập” hoạt động được là nhờ vào hệ thống các trung tâm nghiên cứu độc lập, uy tín và có nguồn lực dồi dào (như Pew Research Center) chuyên thực hiện các khảo sát quy mô lớn; họ cung cấp nguồn dữ liệu chất lượng cao thay thế cho nhà nước. Tại Việt Nam, các tổ chức nghiên cứu ngoài nhà nước chưa thể đảm nhận vai trò này một cách toàn diện và đáng tin cậy; nếu nhà nước không chủ động thu thập, sẽ không có nguồn dữ liệu nào đủ tin cậy, thống nhất và toàn diện để phục vụ cho các mục tiêu quốc gia.

Như vậy, Việt Nam không chọn mô hình “phi thu thập” vì nó không đáp ứng được yêu cầu quản lý chủ động của Nhà nước, không phục vụ hiệu quả cho việc hoạch định chính sách, bảo đảm an ninh và không phù hợp với bối cảnh xã hội hiện tại. Thay vào đó, một mô hình kết hợp, chủ động thu thập dữ liệu một cách có hệ thống được xem là lựa chọn tối ưu hơn để cân bằng giữa việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và bảo đảm sự ổn định, phát triển của đất nước. Chính sách của Việt Nam hướng tới việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trong khuôn khổ của pháp luật. Để làm được điều này, Nhà nước cần có hai nguồn (kênh) thông tin: 1) Thông tin tổng thể (từ điều tra dân số) để hiểu bức tranh chung và đảm bảo quyền lợi chung của người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo; 2) Thông tin quản lý (từ đăng ký) để đảm bảo các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng hiến chương, điều lệ và pháp luật. Mô hình “phi thu thập” không thể cung cấp được cả hai nguồn (kênh) thông tin quan trọng này.



Tập đoàn FPT giới thiệu mô hình kiến trúc Chính phủ số tại Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Như vậy, việc lựa chọn mô hình cơ sở dữ liệu về tôn giáo phù hợp nhất cho Việt Nam là một mô hình hỗn hợp (hybrid model), kết hợp các ưu điểm của mô hình điều tra dân số và mô hình đăng ký chính thức. Mô hình hỗn hợp sẽ phát huy được thế mạnh của hai cách tiếp cận chính, cho phép Việt Nam vừa có cái nhìn tổng thể, khách quan về đời sống tôn giáo của toàn dân, vừa có công cụ quản lý chuyên sâu, chi tiết đối với các tổ chức tôn giáo, cân bằng giữa việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của cá nhân và vai trò quản lý của nhà nước.

Việc áp dụng mô hình điều tra dân số ở cấp độ vĩ mô sẽ giúp cho Nhà nước có được một cái nhìn tổng quan, định kỳ về cơ cấu tôn giáo của toàn dân; giúp đánh giá xu hướng phát triển tôn giáo, mối liên hệ với các yếu tố kinh tế - xã hội (vùng miền, dân tộc, trình độ học vấn) phục vụ cho việc hoạch định chính sách vĩ mô; đảm bảo chính sách công bằng, không phân biệt đối xử đối với các tôn giáo; đồng thời, cung cấp dữ liệu đầu vào đáng tin cậy cho các nghiên cứu về xã hội học tôn giáo, nhân học... Mô hình này cũng đòi hỏi các câu hỏi về tôn giáo trong Tổng điều tra dân số và nhà ở nên được thiết kế theo hướng tự nguyện (như Anh, Australia) để tôn trọng tối đa quyền riêng tư và quyền không theo tôn giáo của công dân; các dữ liệu về tôn giáo

cần được công bố ở dạng số liệu thống kê tổng hợp, ẩn danh.

Dữ liệu về tôn giáo thu thập được qua điều tra dân số mới chỉ cung cấp bức tranh chung, tổng thể về tôn giáo và đảm bảo quyền lợi chung của người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo; không phục vụ sâu cho công tác quản lý nhà nước đối với từng tổ chức tôn giáo. Do đó, cần một cơ sở dữ liệu chi tiết hơn dựa trên hoạt động quản lý thực tế, tương tự mô hình ở Indonesia nhưng phù hợp hơn với pháp luật Việt Nam. Vì vậy, bên cạnh việc áp dụng mô hình điều tra dân số ở cấp độ vĩ mô, cần thiết phải áp dụng mô hình đăng ký chính thức ở cấp độ vi mô nhằm giúp cho công tác quản lý nhà nước đạt hiệu quả bằng việc cung cấp rõ thông tin về các tổ chức tôn giáo đã được công nhận, đăng ký hoạt động (số lượng chức sắc, tín đồ, cơ sở thờ tự, phạm vi hoạt động); giúp tăng cường thực thi pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời, tạo kênh thông tin chính thức giữa cơ quan nhà nước và các tổ chức tôn giáo, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động hợp pháp. Mô hình này được xây dựng dựa trên hoạt động đăng ký của chính các tổ chức tôn giáo với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam; qua đó, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tôn giáo, phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

3. Lộ trình cho Việt Nam trong xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo

Thứ nhất, giai đoạn chuẩn bị và xây dựng nền tảng.

Trước hết, cần xây dựng thành lập Tổ công tác liên ngành với sự tham gia của các bên liên quan, như: Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Dân tộc và Tôn giáo), Cục Thống kê (Bộ Tài chính), Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các chuyên gia để nghiên cứu sâu các mô hình trên thế giới và đề xuất khung pháp lý cụ thể cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo. Cần xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định rõ về: mục đích, phạm vi, cơ chế thu thập, quản lý, khai thác và bảo mật của hai thành tố cơ sở dữ liệu (dữ liệu điều tra dân số và dữ liệu đăng ký chuyên ngành), trong đó, đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc bảo mật thông tin cá nhân. Cần khẳng định cơ sở dữ liệu được xây dựng để phục vụ quản lý nhà nước đối với các tổ chức, chức sắc và hoạt động tôn giáo đã được pháp luật công nhận hoặc đăng ký, tuyệt đối không phải để quản lý niềm tin cá nhân của người dân. Cần phân loại cụ thể giữa dữ liệu mang tính hành chính (tên tổ chức, hiến chương, danh sách chức sắc, cơ sở thờ tự) và dữ liệu mang tính thống kê (số lượng tín đồ). Đối với số lượng tín đồ, chỉ nên thu thập dưới dạng số liệu tổng hợp ước tính do chính các tổ chức tôn giáo cung cấp, tôn trọng tuyệt đối quyền không khai báo danh tính tín đồ. Theo đó, một quy chế vận hành, khai thác chi tiết, quy định rõ quyền truy cập và cơ chế bảo mật dữ liệu là yêu cầu bắt buộc.

Tập trung nghiên cứu, thiết kế cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tôn giáo; xây dựng cấu trúc, chỉ tiêu thông tin cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành quản lý các tổ chức tôn giáo. Các trường thông tin có thể bao gồm: tên tổ chức, lịch sử hình thành, đường hướng hành đạo, hiến chương/điều lệ, cơ cấu tổ chức, thông tin về chức sắc, số lượng tín đồ đã đăng ký, danh mục cơ sở thờ tự, các hoạt động xã hội, giáo dục, y tế... Phát triển phần mềm, hạ tầng kỹ thuật để quản lý cơ sở dữ liệu này, đảm bảo tính liên thông, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Giải pháp kỹ thuật tối ưu cho

Việt Nam là xây dựng cơ sở dữ liệu theo mô hình “lai” giữa đăng ký và liên thông. Cụ thể, cơ sở dữ liệu lõi sẽ được hình thành từ chính các hoạt động quản lý nhà nước theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo như công nhận tổ chức, đăng ký hoạt động, phong phẩm chức sắc... Điểm đột phá nằm ở khả năng tích hợp và liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác. Ví dụ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác thực thông tin định danh của một vị chức sắc; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để quản lý chính xác thông tin đất đai của cơ sở thờ tự. Việc này không chỉ làm giàu dữ liệu, đảm bảo tính chính xác, mà còn giảm gánh nặng thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng một chính phủ số thực chất.

Nghiên cứu, thiết kế câu hỏi cho Tổng điều tra dân số; Ban Tôn giáo Chính phủ phối hợp với Cục Thống kê nghiên cứu, thử nghiệm và đưa câu hỏi về tôn giáo vào kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở tiếp theo. Câu hỏi cần được thiết kế đơn giản, rõ ràng, có các phương án trả lời bao gồm các tôn giáo lớn ở Việt Nam, các tín ngưỡng khác, “Không tôn giáo” và phương án “Không trả lời” (tự nguyện).

Thứ hai, giai đoạn triển khai thí điểm và thu thập dữ liệu về tôn giáo.

Giai đoạn này có mục tiêu kép là thí điểm để kiểm tra, đánh giá và hoàn thiện các quy trình, công cụ (phần mềm) và nguồn nhân lực trong một phạm vi hẹp trước khi áp dụng trên toàn quốc; bắt đầu quá trình thu thập dữ liệu thực tế một cách có hệ thống. Công việc trong giai đoạn này cần được tiến hành song song cho cả hai thành tố của cơ sở dữ liệu:

- *Đối với dữ liệu chuyên ngành về tôn giáo:* đây là dữ liệu phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước, do cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo chủ trì. Cơ quan chủ trì tiến hành lựa chọn từ 02 đến 03 tỉnh/thành phố đại diện cho các đặc thù tôn giáo khác nhau của cả nước để tiến hành thí điểm và tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo tại các địa bàn thí điểm về mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo; cách thức thu thập, xác minh, cập nhật và quản lý thông tin; hướng dẫn sử dụng chi tiết phần mềm

quản lý cơ sở dữ liệu về tôn giáo và các quy tắc bảo mật thông tin. Tiến hành nhập (số hóa) toàn bộ các dữ liệu, hồ sơ giấy hiện có về các tổ chức, chức sắc, cơ sở thờ tự... tại địa bàn thí điểm vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu về tôn giáo (quá trình này sẽ bóc lộ các vấn đề về tính thiếu nhất quán của dữ liệu cũ). Áp dụng quy trình cập nhật thông tin theo thời gian thực (ví dụ: khi có sự thay đổi về nhân sự chức sắc; đăng ký hoạt động mới... cán bộ phụ trách sẽ cập nhật trực tiếp lên hệ thống). Đánh giá khả năng đáp ứng của phần mềm trong thực tế (tốc độ, tính ổn định, sự thân thiện với người dùng), kiểm tra quy trình sao lưu, đồng bộ dữ liệu từ địa phương về Trung ương.

Sau quá trình triển khai nhập liệu và vận hành thử nghiệm, cơ quan chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu về tôn giáo tiến hành đánh giá và hoàn thiện các vấn đề liên quan: lấy ý kiến, phản hồi trực tiếp từ các cán bộ tham gia thí điểm về những khó khăn, vướng mắc, bất cập của cả quy trình lẫn phần mềm. Tổ chức các hội thảo sơ kết, tổng kết để phân tích kết quả, nhận diện các lỗi kỹ thuật, các điểm nghẽn trong quy trình nghiệp vụ. Dựa trên kết quả đánh giá, tiến hành sửa lỗi phần mềm, điều chỉnh các quy trình nghiệp vụ và cập nhật tài liệu hướng dẫn để chuẩn bị cho việc triển khai trên toàn quốc.

- *Đối với dữ liệu từ Tổng điều tra dân số:* đây là dữ liệu thống kê vĩ mô, do Cục Thống kê (Bộ Tài chính) chủ trì, với sự phối hợp của các cơ quan liên quan. Nội dung công việc bao gồm: (1) Chuẩn bị và tổ chức điều tra thử: hoàn thiện câu hỏi điều tra, trong đó chốt phương án cuối cùng cho câu hỏi về tôn giáo và các tùy chọn trả lời (bao gồm các tôn giáo lớn, “Không tôn giáo” và đặc biệt là tùy chọn “Không trả lời”); tích hợp câu hỏi này vào cuộc điều tra thử nghiệm của Tổng điều tra dân số, được tiến hành trước cuộc điều tra chính thức khoảng 01 đến 02 năm. Mục đích của việc điều tra thử nhằm đánh giá phản ứng của người dân với câu hỏi; đánh giá năng lực của các điều tra viên trong việc giải thích và ghi nhận câu trả lời; kiểm tra quy trình xử lý dữ liệu sau khi thu thập.

(2) Tổ chức hoạt động truyền thông: soạn thảo các thông điệp, tài liệu truyền thông (tờ rơi, video, bài viết...) nhấn mạnh 03 điểm cốt lõi: mục đích điều tra chỉ để phục vụ hoạch định chính sách phát triển chung; người dân có toàn quyền trả lời hoặc không trả lời; thông tin cá nhân sẽ được ẩn danh và bảo mật tuyệt đối. Phối hợp với các cơ quan truyền thông, chính quyền địa phương và đặc biệt là các chức sắc, nhà lãnh đạo tôn giáo để phổ biến thông tin, tạo sự đồng thuận và tin tưởng trong xã hội. (3) Thu thập dữ liệu chính thức: tổ chức triển khai thu thập dữ liệu trên diện rộng trong khuôn khổ của kỳ Tổng điều tra dân số và nhà ở toàn quốc (tiến hành 10 năm một lần).

Thứ ba, giai đoạn vận hành, khai thác và tối ưu hóa (thường xuyên).

Phân tích và công bố dữ liệu: Cục Thống kê tiến hành xử lý, phân tích và công bố các báo cáo thống kê tổng hợp về nhân khẩu học tôn giáo; Ban Tôn giáo Chính phủ và các cơ quan liên quan sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ công tác quản lý, đối thoại và hỗ trợ các tổ chức tôn giáo.

Tích hợp và liên thông dữ liệu: Ban Tôn giáo Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan (Trung tâm Dữ liệu quốc gia; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch...) nghiên cứu khả năng liên thông, kết nối giữa cơ sở dữ liệu về tôn giáo với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác (như Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; Cơ sở dữ liệu quốc gia về di tích lịch sử, văn hóa...) ở một mức độ phù hợp, có kiểm soát chặt chẽ để làm giàu thông tin phân tích, nhưng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thường xuyên rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành khi có sự thay đổi từ các tổ chức tôn giáo. Đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi kỳ Tổng điều tra Dân số để cải tiến câu hỏi và phương pháp thu thập cho các lần tiếp theo. Nâng cấp hạ tầng công nghệ, tăng cường các giải pháp an ninh mạng để bảo vệ an toàn cho toàn bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về tôn giáo./.